

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊNH PHỐ BẮC NINH
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 07/2022/DSST
Ngày 25 tháng 11 năm 2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊNH PHỐ BẮC NINH**

Với tHnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngọc Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Văn Sơn – Bà Nguyễn Thị Liên

Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Cường Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân tHnh phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tHnh phố Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Trần Mạnh H- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tHnh phố Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 154/2022/TLST- DS ngày 01 tháng 7 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXXST- DS ngày 13 tháng 10 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/QĐST-DS ngày 31/10/2022 giữa các đương sự: -

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1989 (có mặt)

HKTT: Khu C, phường V, thành phố B, tỉnh B.

Bị đơn: Chị Lê Thị Thu H, sinh năm 1989 (vắng mặt)

HKTT: Khu C, phường V, thành phố B, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết, nên chị có cho chị Lê Thị Thu H vay tiền để làm ăn, vay làm nhiều lần. Tính đến ngày 19/8/2019 chị cho chị H vay tổng số tiền là 3.800.000.000đ, không lãi suất. Ngày 31/8/2019 chị H đã viết giấy nhận nợ và

cam kết trả chi 10.000.000đ/ tháng kể từ tháng 9/2019 nhưng chị H không trả đúng như cam kết. Chị H viết giấy nhận nợ trước sự chứng kiến của chị Lê Thị Thảo. Chị đã đòi nhiều lần nhưng chị H không trả, cố tình lẩn tránh. Nay chị yêu cầu chị H phải trả chi số tiền 3.800.000.000đ và lãi suất quá hạn theo quy định của pháp luật kể từ tháng 10/2019 cho đến ngày xét xử.

Chị Lê Thị Thu H không có mặt tại địa phương nên Tòa án nhân dân tHnh phố Bắc Ninh đã làm thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng.

Tại văn bản ngày 08/11/2022 người làm chứng là chị Lê Thị Thảo trình bày: Chị chứng kiến chị H viết giấy vay chị T với số tiền 3.800.000.000đ vào ngày 31/8/2019. Việc chuyển khoản giữa chị T và chị H thì chị không biết.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tHnh phố Bắc Ninh phát biểu ý kiến đã đánh giá việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đảm bảo theo đúng trình tự quy định của pháp luật, bị đơn không chấp Hnh đúng quy định của pháp luật

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị về nội dung:

Căn cứ các Điều 282, 463, 465, 466, 357, Khoản 2 Điều 468 BLDS và các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 260, 262, 264, 266 BLTTDS; Nghị quyết số 04/2017/HĐTP; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14:

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị T: Buộc chị H phải trả chị T số tiền gốc là 3.800.000.000đồng và tiền lãi kể từ ngày 1/10/2022 đến ngày 25/11/2022.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và các chứng cứ được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, lời khai của nguyên đơn, Điều 26 BLTTDS xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

- Về thẩm quyền: Căn cứ vào đơn khởi kiện, giấy nhận nợ và biên bản làm việc với cảnh sát khu vực – Công an phường Vũ Ninh xác định bị đơn là chị Lê Thị Thu H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu Cổ Mễ, phường Vũ Ninh, tHnh phố Bắc Ninh nhưng hiện tại không có mặt tại địa phương. Do vậy, Tòa án nhân dân tHnh phố Bắc Ninh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định Điểm a, Khoản 1 Điều 35 và Điểm a, Khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

- Về thời hiệu khởi kiện: Giấy nhận nợ lập ngày 31/8/2019, tại giấy nhận nợ các đương sự thỏa thuận: từ ngày 31/8/2019 chị H sẽ có trách nhiệm trả chị T ít nhất là 10.000.000đ/ tháng. Ngày 24/6/2022 chị T nộp đơn khởi kiện chị H. Do vậy, căn cứ vào Điều 429 BLDS thì thời hiệu khởi kiện vụ án vẫn còn.

- Về việc tham gia tố tụng của các đương sự tại phiên tòa:

Căn cứ vào các chứng cứ do nguyên đơn xuất trình và Tòa án thu thập, xác định chị Lê Thị Thu H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu Cô Mễ, phường Vũ Ninh, tHnh phố Bắc Ninh, hiện tại chị H không có mặt tại địa phương, chị H không thông báo cho địa phương và chị T biết nơi cư trú mới. Căn cứ quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì việc chị H thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho chị T biết theo quy định tại Khoản 3 Điều 40 BLDS và cũng không thông báo cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú thì theo quy định điểm e, Khoản 1 Điều 192 BLTTDS là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ nhằm trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án giải quyết theo thủ tục chung. Do vậy, Tòa án tiến hành thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử và niêm yết quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại Điều 179 BLTTDS đối với chị H. Căn cứ vào Điều 228 BLTTDS, HĐXX xét xử theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

Về số nợ gốc: Căn cứ vào giấy nhận nợ viết ngày 31/8/2019 do nguyên đơn xuất trình, bản tự khai, lời trình bày của nguyên đơn, bản trình bày của người làm chứng là chị Lê Thị Thảo, xác định giữa chị Nguyễn Thị Thanh T với chị Lê Thị Thu H phát sinh hợp đồng vay tài sản với tổng số tiền 3.800.000.000đ, thời hạn vay: trả theo định kỳ mỗi tháng là 10.000.000đ, không lãi suất.

Xét thấy, khi tham gia giao kết hợp đồng các đương sự có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và hoàn toàn tự nguyện. Căn cứ giấy nhận nợ, Khoản 1 Điều 470 BLDS thì hợp đồng vay tài sản giữa chị T và chị H là hợp đồng vay có kỳ hạn và không lãi. Khi thực hiện hợp đồng chị T đã thực hiện nghĩa vụ của mình, giao đầy đủ số tiền 3.800.000.000đ cho chị H. Theo giấy nhận nợ ngày 31/8/2019 thì hai bên thỏa thuận trả số tiền gốc theo định kỳ hàng tháng, quá trình thực hiện hợp đồng chị H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo định kỳ. Do vậy, nay chị T khởi kiện yêu cầu chị H phải trả cho chị T số tiền gốc là 3.800.000.000đ là có cơ sở chấp nhận.

Về lãi suất: Trong nội dung giấy nhận nợ ngày 31/8/2019 giữa chị T và chị H không thỏa thuận lãi suất. Do vậy, xác định hợp đồng vay có kỳ hạn nhưng không có lãi suất. Tuy nhiên, tại đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa chị T yêu cầu chị H phải trả tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ kể từ ngày 01/10/2019 cho đến ngày xét xử.

Xét thấy, tại giấy nhận nợ ngày 31/8/2019 chị T và chị H có thỏa thuận mỗi tháng chị H có trách nhiệm trả chị T 10.000.000đ nhưng quá trình thực hiện hợp đồng chị H không trả tiền chị T theo thỏa thuận, như vậy chị H đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền. Do đó, căn cứ vào Điều 357 BLDS chị T yêu cầu chị H phải trả tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ kể từ ngày 1/10/2019 cho đến ngày xét xử (25/11/2022) là có cơ sở chấp nhận.

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 357, Khoản 1, Khoản 2 Điều 468 BLDS thì tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ tính từ ngày 01/10/2019 đến ngày 25/11/2022 là: 3.800.000.000 đồng x (03 năm, 56 ngày) x 10%/năm = 1.198.301.000 đồng.

Do vậy, tổng số tiền gốc và lãi chị H phải trả chị T là: 3.800.000.000 đồng + 1.198.301.000 đồng = 4.998.301.000 đồng.

Về tiền án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của chị T được chấp nhận nên chị T không phải chịu án phí. Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 192, 228, 235, 264, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 282, 357, 463, 465, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 04/2017/HĐTP

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh T

2. Buộc chị Lê Thị Thu H có trách nhiệm trả chị Nguyễn Thị Thanh T số tiền gốc là 3.800.000.000đ và tiền lãi là 1.198.301.000 đồng. Tổng số tiền là 4.998.301.000 đồng. (Bốn tỷ chín trăm chín mươi tám triệu ba trăm linh một nghìn đồng)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi Hành án có đơn yêu cầu thi Hành án, nếu bên phải thi Hành án không thi Hành thì Hng tháng phải chịu một khoản lãi của số tiền chậm thi Hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thi Hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị Thu H phải chịu 112.998.301đ

Hoàn trả chị Nguyễn Thị Thanh T 54.000.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2021/0001314 ngày 30/6/2022.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kết quả bản án hoặc kể từ ngày niêm yết kết quả bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi Hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi Hành án dân sự thì người được thi Hành án dân sự, người phải thi Hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hành án, quyền yêu cầu thi Hành án, tự nguyện thi Hành án hoặc bị cưỡng chế thi Hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi Hành án dân sự; thời hiệu thi Hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND TP. Bắc Ninh;
- Chi cục THADS TP. Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Ngọc Anh

